



Tuần 46 (14/11-18/11/22)

BSC WEEKLY REVIEW

Nhận diện một số chỉ tiêu trong quá trình VN-Index hình thành vùng đáy trong thị trường giá giảm



NỘI DUNG

- 1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI:** *Áp lực giảm điểm chiếm ưu thế trong quá trình dò đáy ngắn hạn*
- 2. CHUYÊN MỤC TUẦN:** *Nhận diện một số chỉ tiêu trong quá trình VN-Index hình thành vùng đáy trong thị trường giá giảm*
- 3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ:** *SBV bơm ròng tiền qua OMO*
- 4. PTKT VN-INDEX:** *Với phiên chỉ hướng 10/11, VN-Index tiếp tục dò đáy ngắn hạn trong khoảng 900 – 950 điểm*
- 5. TIN VĨ MÔ:** *Sở GDCK Việt Nam đăng ký làm thành viên WFE thay cho HoSE*
- 6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG:** *Điện, nước & xăng dầu khí đốt +0.61%*
- 7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG**

CHIẾN THUẬT TUẦN: Áp lực giảm điểm chiếm ưu thế trong quá trình dò đáy ngắn hạn

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	954.53	-4.27%
GTGD/phiên (tỷ VND)	10,541.11	-0.54%
Khối ngoại (tỷ VND)	4122.80	
HNX-INDEX	189.81	-7.21%
GTGD/phiên (tỷ VND)	906.75	15.06%
Khối ngoại (tỷ VND)	352.67	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	3991.16	0.96%	6.01%	11.50%
EU (EURO STOXX)	3869.00	0.57%	4.88%	16.12%
China (SHCOMP)	3087.00	1.69%	0.54%	2.04%
Japan (NIKKEI)	28280.00	3.04%	4.10%	7.07%
Korea (KOSPI)	2483.16	3.37%	5.74%	13.28%
Singapore (STI)	3228.00	1.74%	3.14%	4.71%
Thailand (SET)	1001.00	1.38%	1.16%	6.76%
Phillipines (PCOMP)	6287.00	1.93%	1.64%	7.40%
Malaysia (KLIC)	1468.00	1.27%	2.08%	6.35%
Indonesia (JCI)	7089.00	1.76%	0.62%	2.61%
Vietnam (VNIndex)	954.53	0.77%	-4.27%	-7.76%

TTCK VIỆT NAM

Nhiều cổ phiếu BĐS giảm sàn với lệnh dự bán lớn, xuất hiện hiện tượng giải chấp chéo

Đi ngược với diễn biến tích cực thị trường thế giới và hoạt động mua ròng của khối ngoại, VN-Index ghi nhận tuần thứ 2 điểm khi mất -4.2%. Đà giảm diễn ra trên diện rộng với 344/401 cổ phiếu và 18/19 ngành giảm điểm. Các ngành Tài nguyên cơ bản, Xây dựng và vật liệu xây dựng, Dịch vụ tài chính, Hóa chất có mức giảm trên 10% trong khi duy nhất ngành Tiện ích có mức tăng 0.6%. Nhiều cổ phiếu Bất động sản giảm sàn và bị một số CTCK cắt margin có thể đã kéo theo hoạt động giải chấp chéo trên thị trường. Nhiều cổ phiếu vừa và nhỏ đồng loạt giảm trong phiên thị trường tăng điểm cuối tuần. Giải chấp vẫn đang tạo áp lực không nhỏ lên thị trường nhất là khi VN-Index đang giảm về vùng điểm nhạy cảm và thời điểm không có tin hỗ trợ. NGĐT do vậy vẫn nên hạn chế và cẩn trọng trong giao dịch chờ các tín hiệu rõ ràng. Quốc hội thông qua mục tiêu năm 2023 với tăng trưởng GDP 6.5%, GDP bình quân 4,400 USD, tỷ trọng công nghiệp chế biến chế tạo/GDP khoảng 25.4 – 25.8%, CPI bình quân 4.5%, tốc độ tăng năng suất xã hội bình quân 5-6%... Các chỉ tiêu trên đã được Chính phủ tính toán kỹ lưỡng trên cơ sở đánh giá những thuận lợi (đầu tư công có khả năng hồi phục mạnh, lạm phát trong phạm vi an toàn, du lịch và tiêu dùng tiếp tục hồi phục tốt) và thách thức (nguy cơ bùng phát chủng mới, áp lực lạm phát gia tăng, rủi ro thị trường tài chính, hoạt động sản xuất phụ thuộc nước ngoài có thể suy yếu theo đà giảm thế giới). So với kế hoạch 2022, chỉ tiêu GDP bằng ngưỡng trên và lạm phát tăng 0.5%. CPI sẽ có biên tăng lớn hơn hỗ trợ điều hành chủ động, linh hoạt, thích ứng trước áp lực lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô cũng như thêm dư địa hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong năm 2023.

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ bật tăng mạnh trước thông tin lạm phát

Các chỉ số CK Hoa Kỳ đồng loạt tăng từ 3.7% - 7.3% trong phiên giao dịch 10/11 sau khi đón nhận tích cực từ CPI. Chỉ số CPI tháng 10 tăng 0.4% tháng trước và 7.7% cùng kỳ năm trước, thấp hơn 0.2% so với số dự báo. Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm giảm 0.3% về mức 3.8% và chỉ số USD Index giảm 2.3% mức giảm mạnh nhất từ 2009. Các chỉ số CK khu vực hôm nay cũng tăng giá mạnh trung bình 4.6%, dẫn đầu với mức tăng 7.7% của HongKong sau khi Trung Quốc giảm bớt thời gian cách ly cho du khách du lịch trong nước và quy định đình chỉ chuyến bay vì Covid. Giá hàng hóa trong tuần cũng có nhiều biến động trong khi giá dầu tiếp tục giảm thì Bạc, Thép và Than đều có mức tăng trên 10%. Thông tin lạm phát đang giúp cho TTCK Hoa Kỳ tích cực lẫn át kết quả bầu cử Quốc hội khi Đảng cộng hòa chiếm ưu thế Hạ viện nhưng chưa thể xác định tại Thượng viện. Thông báo cuối tuần rút ngắn 2 ngày cách ly cho người tiếp xúc ca nhiễm và du khách giảm bớt tiêu cực thông báo trước đó của Ủy ban y tế quốc gia Trung Quốc về cam kết triệt tiêu Covid và đồng thời cảnh báo tình hình có thể trở lên nghiêm trọng và phức tạp hơn khi Trung Quốc vào mùa Đông. Tuyên bố này đã dập tắt tin đồn sớm nới lỏng chính sách zero covid tuần trước. Số ca nhiễm chạm đỉnh 6 tháng, ở mức 8,824 ca ngày 10/11 chưa cho phép Trung Quốc gỡ bỏ các biện pháp kiểm tra hàng loạt, hạn chế đi lại, đóng cửa kéo dài với khu vực lây nhiễm. Kim ngạch xuất khẩu Trung Quốc tháng 10 giảm 0.3%, giảm lần đầu trong 2 năm khi nhu cầu suy yếu và nguy cơ suy thoái toàn cầu tăng. Chính sách zero covid duy trì sẽ dập tắt hy vọng tình hình kinh tế Trung Quốc sớm cải thiện do hoạt động xuất khẩu chậm cải thiện và nhiều hộ gia đình sẽ đẩy mạnh tiết kiệm và giảm bớt chi tiêu.



CHUYÊN MỤC TUẦN: Nhận diện một số chỉ tiêu trong quá trình VN-Index hình thành vùng đáy trong thị trường giá giảm

Trong các báo cáo đã được nhóm PTNC BSC đề cập trước đây VN-Index đang trong xu hướng giảm lần thứ 6 với những phiên mất điểm liên tiếp và mức độ lớn, tâm lý tiêu cực đang thể hiện rõ nét trong các phiên giảm điểm mạnh - đặc biệt trong phiên 10/11/2022 khi VN-Index đã chính thức mất mốc 950 điểm với mức giảm gần 4%. Nhóm PTNC BSC sẽ đánh giá lại một số chỉ tiêu chính trong các đợt giảm giá trước đây để nhà đầu tư có thêm góc nhìn về thị trường trong giai đoạn sắp tới.

1. Dấu hiệu về chỉ số và SLCP tăng/giảm giá

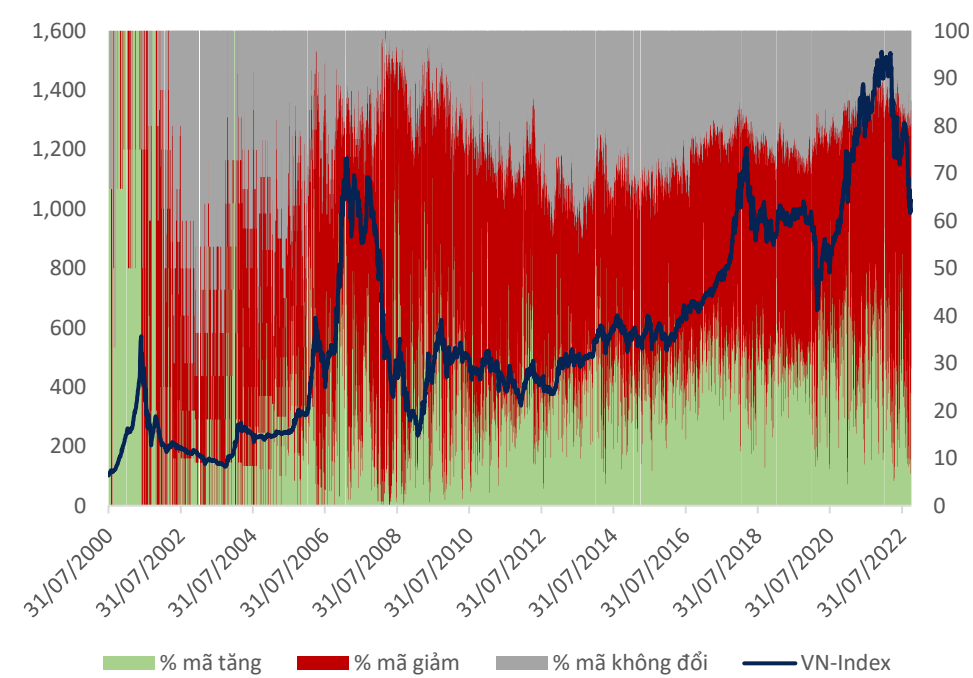
Bảng 01: Thống kê VN-Index trong các giai đoạn thị trường giá giảm

Thị trường Giá giảm							
Đợt	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Thời gian kéo dài (Tháng)	Mức giảm so với đỉnh (%)	% TB SLCP tăng giá	% TB SLCP giảm giá	% TB SLCP giữ nguyên giá
Đợt 1	8/10/2007	23/02/2009	16.8	-77.75%	38.17	51.94	9.89
Đợt 2	19/10/2009	2/01/2012	26.8	-45.31%	36.54	43.13	20.33
Đợt 3	20/07/2015	18/01/2016	6.1	-17.27%	33.22	37.29	29.49
Đợt 4	2/04/2018	31/12/2018	9.1	-26.59%	36.89	41.44	21.67
Đợt 5	20/01/2020	30/03/2020	2.3	-33.18%	34.52	44.65	20.83
Đợt 6	4/04/2022	10/11/2022*	7.3	-37.87%			
Trung bình			11.4	-39.66%	35.87	43.69	20.44

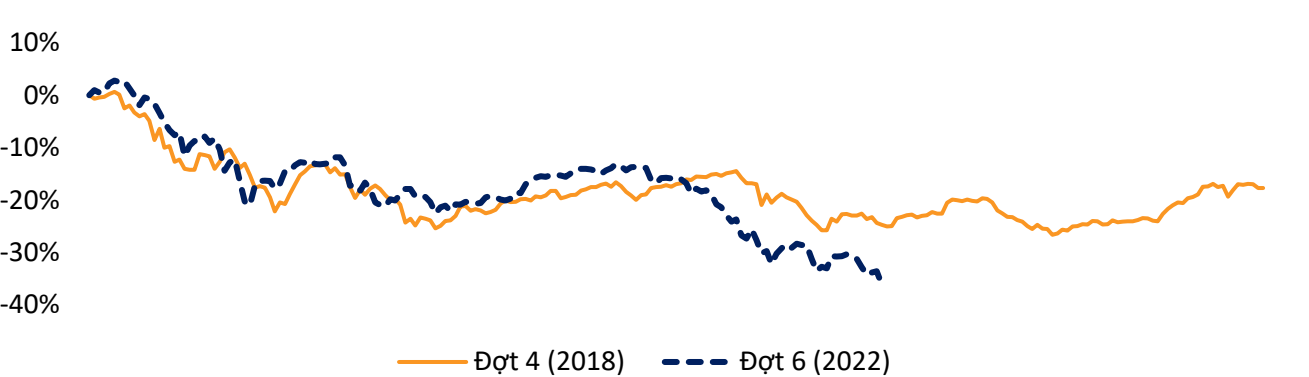
*Đang diễn ra, đến 31/10/2022 -> SLCP tăng giá là 38.41%, giảm giá là 47.36%, không đổi là 14.23%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 02: VN-Index và % SLCP biến động từ 2000 - nay



Hình 01: Diễn biến VN-Index trong 02 đợt giảm điểm



Bảng 02: Thống kê VN-Index trong các giai đoạn phục hồi

Sự phục hồi sau khi thiết lập đáy										
Đợt	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Thời gian kéo dài (Tháng)	Mức độ hồi phục so với đáy (%)	Thời gian phục hồi được tối thiểu 5% kể từ mức đáy	Thời gian (Tháng)	Mức độ phục hồi so với đáy (%)	% TB SLCP tăng giá	% TB SLCP giảm giá	% TB SLCP giữ nguyên giá
Đợt 1	23/02/2009	19/10/2009	7.9	150.54%	17/03/2009	0.73	7.86%	51.55	38.23	10.22
Đợt 2	2/01/2012	30/04/2012	4.0	41.45%	19/01/2012	0.57	6.69%	45.08	31.91	23.01
Đợt 3	18/01/2016	7/03/2016	1.6	10.54%	19/02/2016	1.07	5.25%	37.31	34.39	28.30
Đợt 4	31/12/2018	11/03/2019	2.3	13.99%	12/02/2019	1.43	5.04%	38.77	37.63	23.60
Đợt 5	30/03/2020	1/06/2020	2.1	33.76%	3/04/2020	0.13	5.97%	45.47	35.34	19.20
Đợt 6	chưa có tín hiệu rõ ràng									
Trung bình			3.6	50.06%	0.8	6.16%	43.64	35.50	20.86	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận xét: VN-Index đã trải qua 7.3 tháng trong xu hướng giảm điểm khi mất 37.87% (thấp hơn mức trung bình gần 40%), hiện tại tỷ trọng trung bình SLCP giảm giá đã đạt gần 50% - tương đương đợt 1 (giai đoạn 2007-2009). Ở khía cạnh khác, khi thị trường thiết lập được vùng đáy, VN-Index cần 0.8 tháng để đạt được mức tăng trung bình 6.16% trong 05 đợt gần đây nhất.



CHUYÊN MỤC TUẦN: Nhận diện một số chỉ tiêu trong quá trình VN-Index hình thành vùng đáy trong thị trường giá giảm

2. Dấu hiệu về chỉ P/E và P/B ngoài vùng -2std

Bảng 03: Thống kê mức P/E, P/B của VN-Index trong các giai đoạn hình thành vùng đáy

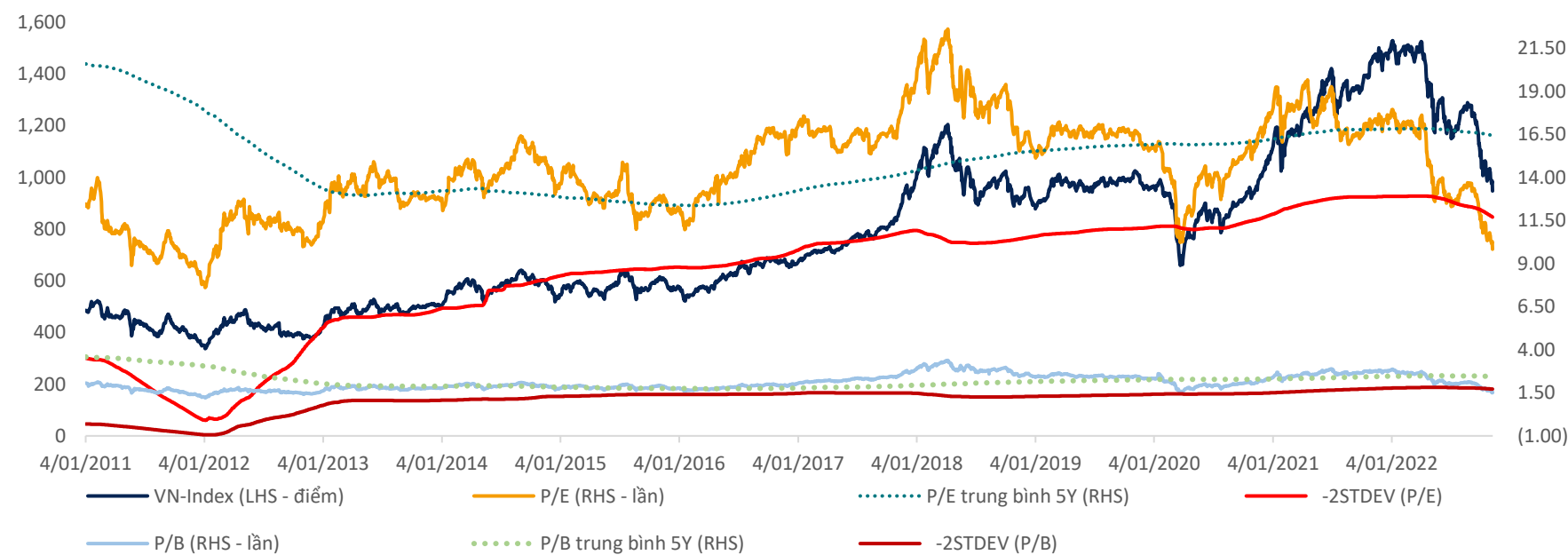
Thị trường Giá giảm										
Đợt	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	P/E thấp hơn mốc -2std				P/B thấp hơn mốc -2std			
			Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Thời gian kéo dài (Tháng)	Mức thấp nhất (Lần)	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Thời gian kéo dài (Tháng)	Mức thấp nhất (Lần)
Đợt 1	8/10/2007	23/02/2009	21/03/2008	27/06/2008	3.27	7.89				1.24
Đợt 2	19/10/2009	2/01/2012				7.29				1.18
Đợt 3	20/07/2015	18/01/2016				10.79				1.56
Đợt 4	2/04/2018	31/12/2018				15.66				2.39
Đợt 5	20/01/2020	30/03/2020	12/03/2020	3/04/2020	0.73	10.35				1.48
Đợt 6	4/04/2022	10/11/2022*	13/05/2022	26/07/2022	2.47	12.41				
			29/09/2022	10/11/2022	1.40	9.87	7/10/2022	10/11/2022	1.13	1.52
Trung bình					1.97					

Nhận xét: Hiện tại P/E, P/B Vn-Index đang trong vùng định giá ở ngoài vùng -2std mức bình quân 5 năm đồng thời mức định giá tại ngày 10/11 kết thúc ở mức 9.87 lần - thấp hơn đợt giảm điểm khi đại dịch Covid-19 xảy ra vào năm 2020. Mức định giá hiện nay vẫn cao hơn so với đợt khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 và giai đoạn 2009-2012.

*Đang diễn ra

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

Hình 03: VN-Index và chỉ số P/E, P/B từ 2011 - nay

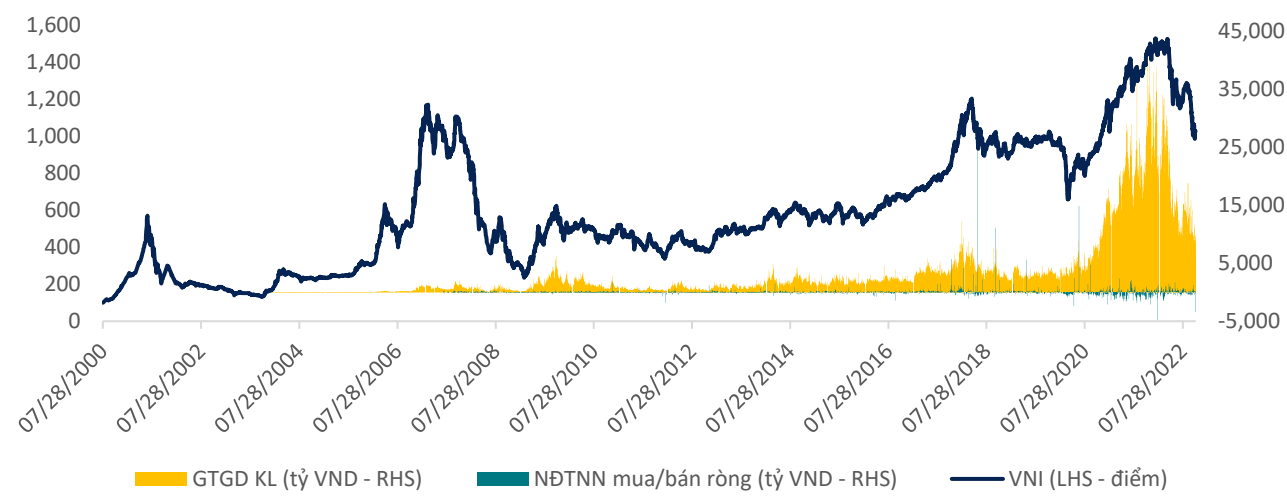


CHUYÊN MỤC TUẦN: Nhận diện một số chỉ tiêu trong quá trình VN-Index hình thành vùng đáy trong thị trường giá giảm

3. Dấu hiệu về Thanh khoản và Dòng tiền NĐTNN

Nhận xét: Ngoại trừ đợt sụt giảm do đại dịch Covid-19 năm 2020, sau 1 tháng kể từ mức đáy được thiết lập thì thanh khoản có xu hướng tiếp tục suy giảm trên 40%, sau 3 tháng thì thanh khoản dần cải thiện tuy nhiên vẫn giảm trung bình khoảng 2%, đặc biệt đợt 2 và đợt 4 thanh khoản tiếp tục suy giảm lần lượt là 32% và 17% so với giai đoạn hình thành đáy. Ở góc độ về dòng vốn của NĐTNN, sau 1 tháng kể từ khi đáy hình thành thì dòng tiền có xu hướng rút ròng và sau 3 tháng trở đi dòng tiền quay trở lại mua ròng.

Hình 04: VN-Index, Thanh khoản & dòng tiền NĐTNN từ 2000 - nay



Bảng 04: Diễn biến thanh khoản VN-Index trong các giai đoạn hình thành vùng đáy

			Diễn biến GTGD khớp lệnh trung bình (Tỷ VND)									
	T0	T1	T0 - 3Y	T0 -12M	T0 -6M	T0 -3M	T0 -1M	T0 - T1	T1 + 1M	T1 + 3M	T1 + 6M	T1 + 12M
Đợt 1	8/10/2007	23/02/2009	-54.94%	21.04%	22.03%	20.71%	85.22%	0.00%	-38.86%	36.10%	126.64%	238.41%
Đợt 2	19/10/2009	2/01/2012	-23.96%	8.34%	84.21%	145.45%	238.51%	0.00%	-70.08%	-32.10%	-17.06%	-38.28%
Đợt 3	20/07/2015	18/01/2016	-25.85%	6.10%	-6.01%	4.32%	29.86%	0.00%	-19.11%	5.46%	12.71%	16.24%
Đợt 4	2/04/2018	31/12/2018	-24.98%	16.49%	36.26%	68.54%	64.60%	0.00%	-44.52%	-17.09%	-22.68%	-19.35%
Đợt 5	20/01/2020	30/03/2020	13.97%	-5.12%	-3.14%	-1.63%	-20.32%	0.00%	9.34%	39.64%	43.04%	150.90%
Trung bình			-23.15%	9.37%	26.67%	47.48%	79.58%	0.00%	-32.65%	6.40%	28.53%	69.58%
Đợt 6	4/04/2022	10/11/2022*	11,109.72	22,593.02	25,278.00	24,896.76	26,004.72					

*Đang diễn ra

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

Bảng 05: Hoạt động của nhóm NĐTNN trong các giai đoạn

			Trung bình mua/bán ròng NĐTNN (Tỷ VND)									
	T0	T1	T0 - 3Y	T0 -12M	T0 -6M	T0 -3M	T0 -1M	T0 - T1	T1 + 1M	T1 + 3M	T1 + 6M	T1 + 12M
Đợt 1	8/10/2007	23/02/2009	3.73	11.27	22.36	38.31	76.35	26.25	5.81	12.18	21.73	17.04
Đợt 2	19/10/2009	2/01/2012	17.29	1.32	9.54	(3.86)	(49.00)	31.90	(102.28)	11.73	(4.50)	13.14
Đợt 3	20/07/2015	18/01/2016	22.41	5.22	37.36	48.95	64.35	(23.39)	(74.49)	(31.83)	(4.61)	(27.85)
Đợt 4	2/04/2018	31/12/2018	41.63	136.60	187.96	187.80	(29.09)	169.07	65.05	88.79	83.61	26.57
Đợt 5	20/01/2020	30/03/2020	103.56	28.48	(25.79)	(10.55)	67.97	(213.95)	(311.04)	123.40	46.19	(83.60)
Đợt 6	4/04/2022	10/11/2022*	(104.08)	(201.30)	(189.49)	(116.24)	(148.34)					

*Đang diễn ra

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



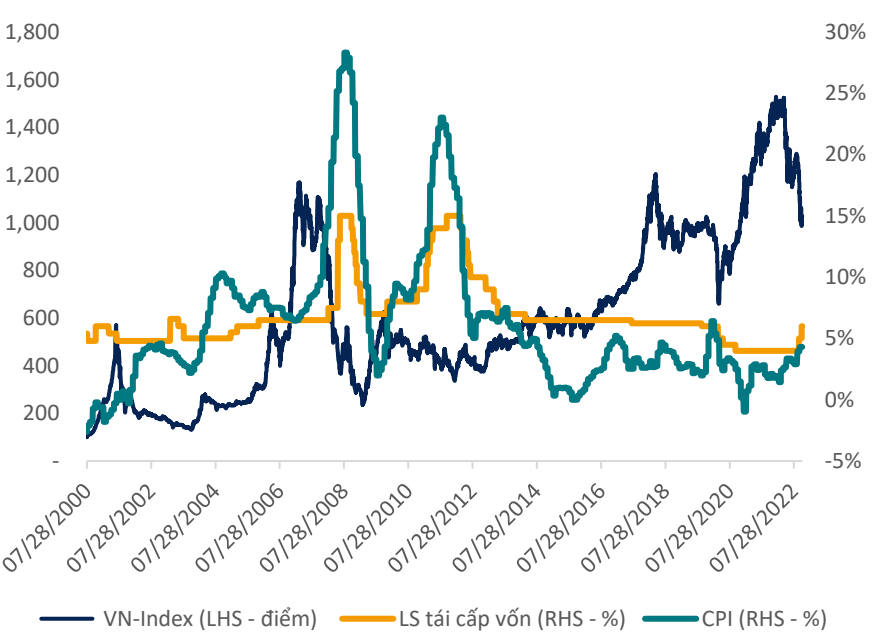
CHUYÊN MỤC TUẦN: Nhận diện một số chỉ tiêu trong quá trình VN-Index hình thành vùng đáy trong thị trường giá giảm

4. Dấu hiệu về Lãi suất, lạm phát

Bảng 06: Diễn biến LSDH, tỷ lệ lạm phát, LSHĐ trong các giai đoạn

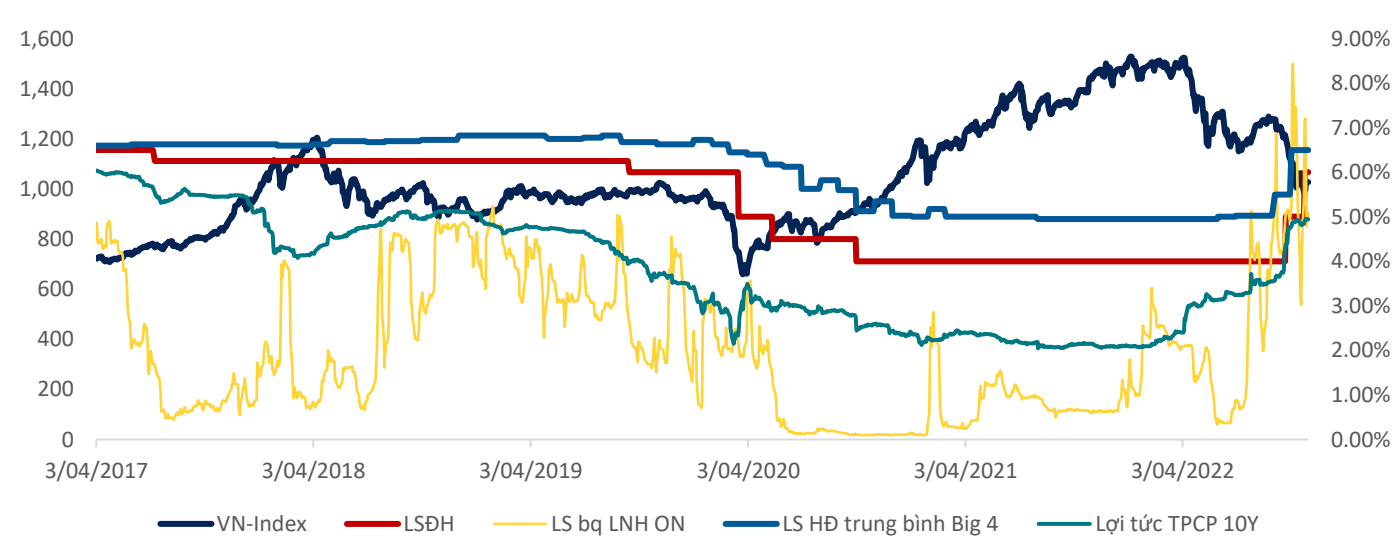
			Tỷ lệ lạm phát								
	T0	T1	T0 -12M	T0 -6M	T0 -3M	T0 -1M	T0 - T1	T1 + 1M	T1 + 3M	T1 + 6M	T1 + 12M
Đợt 1	8/10/2007	23/02/2009	6.72%	7.16%	8.39%	8.80%	20.07%	11.25%	5.58%	1.97%	8.46%
Đợt 2	19/10/2009	2/01/2012	26.72%	9.23%	3.31%	2.42%	13.15%	16.44%	10.54%	5.35%	7.07%
Đợt 3	20/07/2015	18/01/2016	4.94%	0.94%	0.99%	1.00%	0.40%	1.27%	1.89%	2.39%	5.22%
Đợt 4	2/04/2018	31/12/2018	4.30%	2.98%	2.65%	2.66%	3.80%	2.56%	2.70%	2.16%	5.23%
Đợt 5	20/01/2020	30/03/2020	2.56%	2.44%	2.24%	5.23%	5.26%	2.93%	3.17%	2.98%	1.16%
Đợt 6	4/04/2022	10/11/2022*	2.70%	1.77%	1.94%	2.41%					
			Lãi suất điều hành								
	T0	T1	T0 -12M	T0 -6M	T0 -3M	T0 -1M	T0 - T1	T1 + 1M	T1 + 3M	T1 + 6M	T1 + 12M
Đợt 1	8/10/2007	23/02/2009	6.50%	6.50%	6.50%	6.50%	10.27%	8.00%	7.00%	7.00%	8.00%
Đợt 2	19/10/2009	2/01/2012	15.00%	8.00%	7.00%	7.00%	10.42%	15.00%	14.00%	10.00%	9.00%
Đợt 3	20/07/2015	18/01/2016	6.50%	6.50%	6.50%	6.50%	6.50%	6.50%	6.50%	6.50%	6.50%
Đợt 4	2/04/2018	31/12/2018	6.50%	6.25%	6.25%	6.25%	6.25%	6.25%	6.25%	6.25%	6.00%
Đợt 5	20/01/2020	30/03/2020	6.25%	6.25%	6.00%	6.00%	5.77%	5.00%	4.50%	4.50%	4.00%
Đợt 6	4/04/2022	10/11/2022*	4.00%	4.00%	4.00%	4.00%					
			Lãi suất huy động bình quân 4 NHTM có vốn nhà nước (Big 4)								
	T0	T1	T0 -12M	T0 -6M	T0 -3M	T0 -1M	T0 - T1	T1 + 1M	T1 + 3M	T1 + 6M	T1 + 12M
Đợt 4	2/04/2018	31/12/2018	6.60%	6.63%	6.63%	6.60%	6.71%	6.83%	6.83%	6.75%	6.63%
Đợt 5	20/01/2020	30/03/2020	6.83%	6.78%	6.68%	6.63%	6.55%	6.40%	6.13%	5.60%	5.00%
Đợt 6	4/04/2022	10/11/2022*	5.00%	4.95%	4.95%	4.95%					

Hình 05: VN-Index, LSDH & Lạm phát từ 2000 - nay



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

Hình 06: VN-Index và lãi suất, lợi tức TPCP 10Y từ 2017-nay



Nhận xét: Trong 05 đợt điều chỉnh giảm trước đây, tỷ lệ lạm phát, lãi suất điều hành có dấu hiệu tăng và tạo đỉnh trong quá trình hình thành vùng đáy. Sau đó mặt bằng lãi suất điều hành cũng như lãi suất huy động có xu hướng giảm - tạo điều kiện để TTCK bước vào 1 chu kỳ tăng trưởng mới



CHUYÊN MỤC TUẦN: Nhận diện một số chỉ tiêu trong quá trình VN-Index hình thành vùng đáy trong thị trường giá giảm

5. Kết luận

Trong các giai đoạn hình thành vùng đáy trước đây, giai đoạn 2007-2012 lãi suất điều hành và tỷ lệ lạm phát có xu hướng tăng và duy trì ở mặt bằng cao trước khi điều chỉnh giảm vào giai đoạn sau đó. Đối với giai đoạn 2015-2016 và 2018, mặt bằng LSHĐH có xu hướng ổn định trong khi tỷ lệ lạm phát duy trì ở mức hợp lý. Đối với LSHĐH bình quân của 4 NHTM có vốn Nhà nước có xu hướng tăng và giữ ở mức cao trong 3 tháng và điều chỉnh giảm nhẹ kể từ vùng đáy. Đợt sụt giảm lần 5 do đại dịch Covid-19 có diễn biến khác biệt so với các lần trước đó khi diễn ra trong thời gian ngắn và NHNN thực hiện CSTT nới lỏng bên cạnh các gói hỗ trợ phát triển kinh tế đã giúp TTCK có 02 năm thăng hoa sau đó.

Hiện tại, VN-Index đang ở vùng định giá thấp (P/E dưới 10 lần) với mức chiết khấu sâu (giảm 37.87% kể từ T04/2022), diễn biến về thanh khoản cũng như một số chỉ tiêu vĩ mô khá tương đồng với các giai đoạn trước đó tuy nhiên thị trường vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro khi tâm lý tiêu cực vẫn đang hiện hữu, những sự kiện liên quan đến nguy cơ vỡ nợ trái phiếu Doanh nghiệp bên cạnh bối cảnh vĩ mô thế giới tiếp tục diễn biến khó lường sẽ có thể ảnh hưởng đến VN-Index trong giai đoạn sắp tới. Quan điểm điều hành và định hướng chính sách ở các lĩnh vực trọng yếu trong thời gian tới kết hợp cùng bối cảnh thế giới thuận lợi hơn sẽ là yếu tố quan trọng để VN-Index sớm định hình được vùng đáy và bước vào một chu kỳ tăng trưởng mới trong tương lai

Các báo cáo liên quan khác:

1. Thống kê những lần bật tăng của VN-Index khi ở mức định giá thấp:
2. Phản ứng của TTCK Việt Nam trước những vụ việc vi phạm pháp luật:
3. VN-Index và các giai đoạn suy thoái kinh tế:
4. VN-Index và những giai đoạn "Thị trường gấu":
5. Thống kê phản ứng của TTCK Việt Nam khi SBV thay đổi LSHĐH:

[Link](#)

[Link](#)

[Link](#)

[Link](#)

[Link](#)



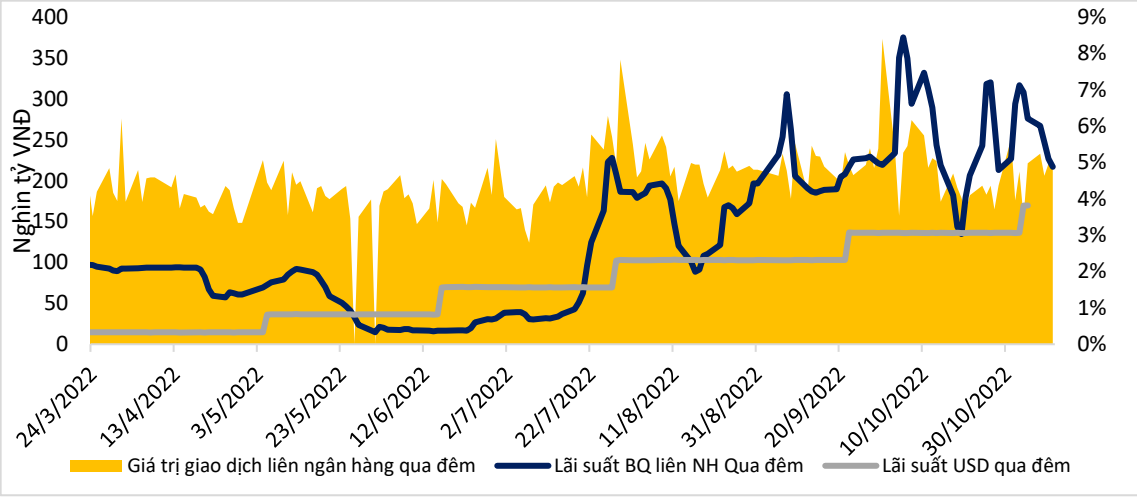
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị hút ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 38	19/9/2022	23/9/2022	93,738.22	59,099.95	-34,638.27
Tuần 39	26/9/2022	30/9/2022	50,399.25	78,502.40	28,103.15
Tuần 40	3/10/2022	7/10/2022	4,702.50	41,691.55	36,989.05
Tuần 41	10/10/2022	14/10/2022	41,691.55	134,853.16	93,161.61
Tuần 42	17/10/2022	21/10/2022	128,158.84	5,386.53	-122,772.31
Tuần 43	24/10/2022	28/10/2022	117,298.82	163,374.26	46,075.44
Tuần 44	31/10/2022	4/11/2022	57,175.16	131,273.45	74,098.29
Tuần 45	11/7/2022	11/11/2022	48,679.93	43,028.10	-5,651.83

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	5.39%	6.08%	7.65%	8.69%	9.84%	9.36%	7.65%
So với tuần trước	-1.33%	-1.08%	1.20%	-1.35%	0.46%	-0.19%	0.00%
KLGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	219	10,903	1,966	1,189	1,385	362	95
So với tuần trước	14.97%	47.27%	-41.40%	44.81%	35.90%	117.09%	0.00%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 10/11/2022

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 45, SBV không phát hành tín phiếu, ngoài ra SBV thực hiện mua 23.03 nghìn tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã bơm ròng 5.65 nghìn tỷ đồng qua OMO. Lãi suất giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm giảm, giá trị giao dịch tăng do hỗ trợ thanh khoản từ SBV.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 5.39%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 219 nghìn tỷ VNĐ



VN-INDEX: Với phiên chỉ hướng 10/11, VN-Index tiếp tục dò đáy ngắn hạn trong khoảng 900 – 950

Đồ thị ngày: Sau vài phiên giằng co đầu tuần, VN-Index xuất hiện cây nến chỉ hướng mazuboru xuyên thủng đáy cũ, qua đó cũng cố xu hướng giảm sau nhiều tuần giằng co xung quanh 1,000 điểm. Cây nến inverted hammer cuối tuần với thanh khoản lớn đã kéo đường giá trở lại dải bollinger band và giúp cho RSI thoát khỏi vùng quá bán. Tín hiệu phân kỳ giá dương giữa RSI, MFI với VN-Index được duy trì. Tuy nhiên với phiên chỉ hướng giảm 10/11, trong những phiên hồi của VN-Index nếu không thể vượt 975 điểm thì khả năng tiếp tục dò đáy thấp hơn nữa sẽ còn diễn ra.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 32 về 30, thoát khỏi vùng quá bán trong tuần và duy trì phân kỳ dương VN-Index.
- MACD cắt trên đường tín hiệu từ trên xuống và mở rộng mức 0.
- Thanh khoản có dấu hiệu cải thiện.
- VN-Index nằm dưới SMA20, SMA100 đồ thị ngày và tuần.

Nhận định: Ngưỡng Fibonacci 61.8% chu kỳ trung hạn tại 980 điểm đã bị xuyên thủng, chỉ số tiếp tục quá trình dò đáy ngắn hạn và vận động trong vùng giá nhạy cảm và nhiều biến động lớn. Phiên giảm điểm dứt khoát 10/11 đang củng cố cho khả năng VN-Index giảm xuống vùng 900 – 950 điểm theo bước sóng 5 mở rộng mô hình Eliot nếu không có những phiên hồi kiểm tra lại 975 điểm trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *Sở GDCK Việt Nam đăng ký làm thành viên WFE thay cho HoSE*

VIỆT NAM:

- Quốc hội khóa XV: đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 6.5%; CPI tăng khoảng 4.5% trong năm 2023 tại kỳ họp thứ 4 chiều 10/11.
- Văn phòng chính phủ: tổ chức Hội nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho thị trường bất động sản.
- Chính phủ: đã trả nợ vay trong nước và vay nước ngoài khoảng hơn 240,000 tỷ đồng, bằng 71.8% kế hoạch.
- Bộ Tài chính: lũy kế 10 tháng thu ngân sách nhà nước ước đạt 1,464.3 nghìn tỷ đồng, bằng 103.7% dự toán, tăng 16.2% svck năm 2021.
- Bộ Tài chính: cho phép doanh nghiệp dùng Quỹ Phát triển KH&CN để mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất trong hai năm 2022-2023, thay vì chỉ để nghiên cứu KH&CN.
- Bộ Tài chính: nghị tăng chi phí đưa xăng dầu về Việt Nam tối đa thêm 660 đồng/l, kg tùy theo từng mặt hàng và sẽ áp dụng từ ngày 11-11.
- NHNN: sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản, đảm bảo khả năng chi trả của các tổ chức tín dụng dịp cuối năm.
- NHNN: trong tuần đã bơm ròng 4 phiên liên tục với tổng giá trị gần 20,600 tỷ đồng và không thực hiện bất kỳ giao dịch bán tín phiếu hút tiền nào
- SGDCK Việt Nam: đã đăng ký tham gia làm thành viên chính thức của tổ chức Liên đoàn các Sở Giao dịch Chứng khoán thế giới - WFE thay thế cho Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.
- Tổng cục Hải quan: 10T2022, XK gạo của Việt Nam đạt 6,085 triệu tấn, trị giá 2,945 triệu USD, tăng 17.4% về lượng và 7.6% về giá trị svck năm 2021. Giá gạo xuất khẩu bình quân 10T2022 ước đạt 484 USD/tấn.
- Bộ KH&ĐT: khẳng định chỉ số CPI do Tổng cục Thống kê công bố đã phản ánh xu hướng biến động giá trên thị trường.
- VBMA: lũy kế trong 9T2022, tổng giá trị trái phiếu được các doanh nghiệp mua lại là 142,209 tỷ đồng, chiếm khoảng 11.8% dư nợ thị trường TPDN cuối năm 2021.

THẾ GIỚI:

- Mỹ: chỉ số CPI T10.2022 tăng 0.4% so với tháng trước và tăng 7.7% so với cùng kỳ, thấp hơn so với dự báo CPI tăng 0.6% so với tháng trước và 7.9% so với cùng kỳ.
- Bầu cử giữa nhiệm kỳ của Hoa Kỳ: Đảng Cộng hòa giành được ba ghế Hạ viện do đảng Dân chủ nắm giữ trước đó trong 435 cuộc đua, 371 ghế chưa được công bố.
- FXT: cận kề phá sản, nhà sáng lập mất 94% tài sản trong một ngày sau tin tức Binance từ chối giải cứu FTX. Đồng thời giám đốc điều hành của sàn đang phải đối mặt với cuộc điều tra của SEC.
- Trung Quốc: UBYT Quốc gia khẳng định lại cam kết triệt tiêu COVID-19 đồng thời cảnh báo “tình hình có thể trở nên nghiêm trọng và phức tạp hơn” khi Trung Quốc bước vào mùa đông.
- Trung Quốc: tổng kim ngạch XNK hàng hóa trong 10 tháng đầu năm nay tăng 9.5% svck năm ngoái.
- Trung Quốc: PPI giảm 1.3% trong tháng 10 so với mức giảm 1.6% như dự kiến. CPI tăng 2.1%, trong khi lạm phát cơ bản không đổi ở mức 0.6%.
- Trung Quốc: định giá các ngân hàng quốc doanh giảm sát mức thấp kỷ lục do tâm lý bi quan của giới đầu tư đối với lĩnh vực ngân hàng.
- EC: giải ngân gói hỗ trợ lần thứ 2, trị giá 21 tỷ euro cho Italy, từ Quỹ phục hồi hậu đại dịch NextGenerationEU.
- Nhật Bản: giá sản xuất đã tăng 9.1% so với cùng kỳ năm ngoái vào T10.2022, chậm lại so với mức tăng 10.2% đã được điều chỉnh tăng của tháng 9.
- Nhật Bản: Thặng dư tài khoản vãng lai của Nhật Bản trong nửa đầu năm tài khóa 2022 giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 2014.
- BoJ: Nhật Bản sẽ duy trì chính sách tiền tệ phù hợp để đạt được lạm phát bền vững và ổn định ở mức 2%, đồng thời đạt được mức tăng trưởng tiền lương.
- Australia: Lợi tức trái phiếu kỳ hạn 3 năm giảm 7.3 điểm cơ bản xuống 3.44% trong giao dịch đầu giờ tại Sydney.

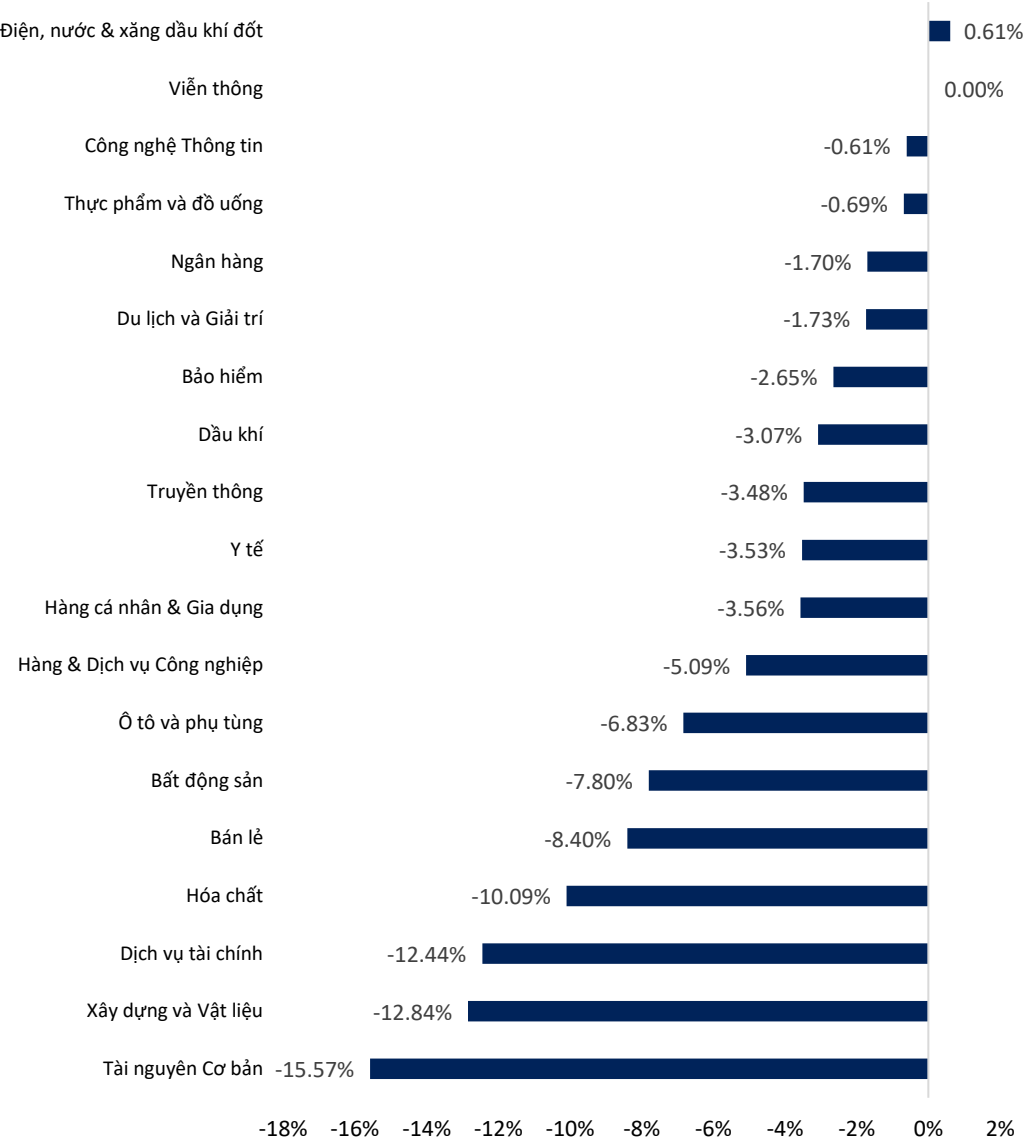
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Quốc hội bế mạc vào 18/11.
- Hoạt động bán giải chấp và giải chấp chéo tại một số công ty niêm yết.
- Ngày 14/11, Chỉ số sản xuất công nghiệp EU; Báo cáo chính sách tiền tệ ECB; FDI Trung Quốc. 15/11, GDP Nhật Bản; Biên bản chính sách tiền tệ Australia; Doanh thu bán lẻ, chỉ số sản xuất công nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp Trung Quốc; GDP EU; Chỉ số sản xuất công nghiệp Hoa Kỳ; G20 họp từ 15-16/11. 16/11, CPI Anh và Canada; Doanh thu bán lẻ Hoa Kỳ. 17/11, Tỷ lệ thất nghiệp Australia; CPI lần cuối EU; Tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ. 18/11, Doanh thu nhà qua sử dụng Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.44%	0.61%	1.59%	REE	-12.16%		
Viễn thông	0.00%	0.00%	-1.16%	VGI	1.26%	FOX	-6.34%
Công nghệ Thông tin	-0.02%	-0.61%	-0.75%	FPT	-2.80%	CMG	-13.38%
Thực phẩm và đồ uống	1.81%	-0.69%	3.50%	VNM	2.56%	MSN	0.48%
Ngân hàng	2.24%	-1.70%	10.11%	VCB	0.28%	VPB	3.67%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	88.96	2.88%	-3.94%	3.37%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	96.03	2.52%	-2.58%	5.74%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	2.62	2.15%	-4.15%	6.07%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,771.08	0.93%	5.40%	5.89%		PNJ
Bạc	USD/oz.	21.70	0.15%	4.14%	13.84%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,456.50	1.82%	0.34%	4.33%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	814.00	1.31%	-3.98%	-7.74%		AFX
Sữa	USD/cwt	20.98	0.10%	0.48%	-3.98%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	128.90	3.37%	3.20%	-3.23%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	19.64	1.19%	4.97%	5.14%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	2.88	0.00%	-5.57%	-1.37%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	170.10	-0.53%	-3.21%	-18.90%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3.97	4.59%	6.88%	15.55%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	3,580.00	0.85%	1.45%	-5.91%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	2,476.50	6.42%	5.14%	7.44%		HPG
Than đá	USD/MT	93.50	4.47%	5.06%	-3.11%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	325.00	-1.52%	-8.19%	-16.91%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VCB	3.71%	3.20
MSN	6.79%	1.90
BID	3,75%	1.60
VIC	2.45%	1.20
CTG	3.74%	1.00
ACB	4.00%	0.70
SAB	1.79%	0.50
SSB	3.26%	0.40
VRE	2.02%	0.30
HPG	1.65%	0.30
Tổng		11.10

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
NVL	-6.90%	-1.51
GVR	-6.80%	-0.85
EIB	-6.90%	-0.55
DGC	-6.97%	-0.43
PDR	-6.93%	-0.32
VGC	-6.85%	-0.25
SHB	-2.44%	-0.17
VCI	-6.85%	-0.16
PVD	-6.96%	-0.15
HCM	-6.86%	-0.15
Tổng		-4.55

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
KDH	533.00	0.29
PVS	339.70	11.90
VHM	296.70	22.94
DGC	234.67	15.34
FUESSVFL	224.24	0.29
SSI	189.55	34.25
POW	183.52	2.97
VND	175.45	14.62
VNM	163.59	55.50
BID	159.19	16.92
Tổng	2,499.60	

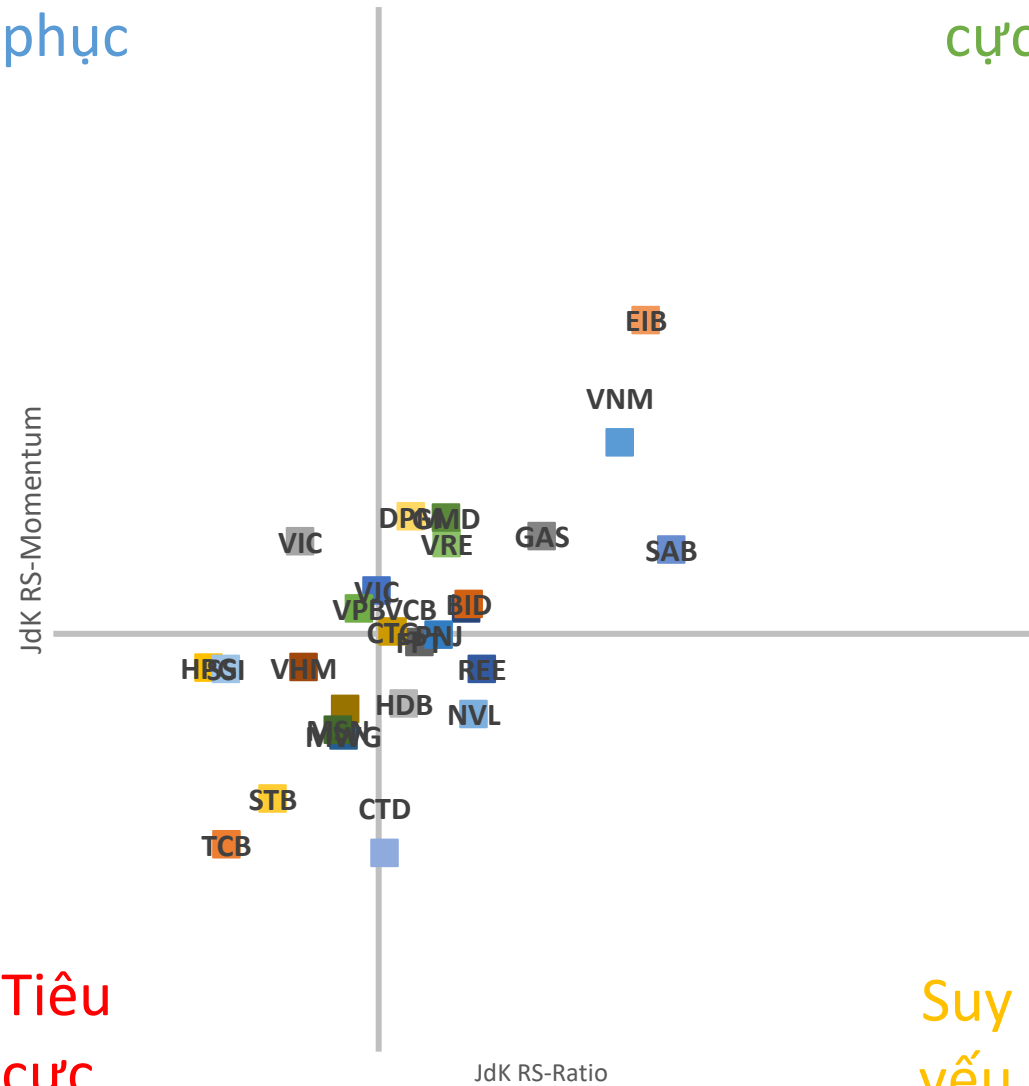
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HSG	-40.38	6.14
KDC	-40.30	26.34
HDB	-35.79	17.97
OCB	-30.71	21.56
DGW	-23.38	25.59
FTS	-16.28	27.36
HDC	-12.44	1.57
VPB	-11.23	17.64
VIX	-7.68	4.63
MBB	-6.20	23.23
Tổng	-224.38	

Vận động cổ phiếu VN30			
SAB	118.0084	102.0076	-5.94%
EIB	116.4391	107.4988	8.83%
VNM	114.8339	104.5766	8.99%
GAS	110.0437	102.332	-2.37%
REE	106.353	99.1521	-15.44%
NVL	105.8463	98.07681	-28.00%
BID	105.5445	100.708	-15.91%
VCB	105.3945	100.5987	-11.90%
BVH	104.5933	100.8616	-11.50%
VRE	104.197	102.1594	-8.45%
GMD	104.1468	102.7784	-12.70%
PNJ	103.6958	99.97093	-16.60%
FPT	102.5195	99.79979	-14.25%
DPM	101.9875	102.8035	-9.20%
HDB	101.5597	98.32717	-28.17%
CTG	100.8653	100.0486	-14.78%
CTD	100.3716	94.75027	-54.10%
VJC	99.87905	101.0274	-20.18%
VPB	98.79548	100.6023	-15.53%
MBB	97.94968	98.19506	-21.03%
SBT	97.86437	98.90716	-30.93%
MWG	97.85633	97.55768	-28.60%
MSN	97.4998	97.70015	-24.73%
VHM	95.39282	99.19554	-27.41%
VIC	95.17944	102.2081	-20.26%
STB	93.49496	96.04843	-33.33%
TCB	90.6499	94.95869	-34.28%
SSI	90.62848	99.15485	-37.47%
HPG	89.56547	99.18479	-38.45%

Hồi
phục

Tiêu
cực

CP VN30 vs. VN-Index



Tích
cực

Suy
yếu

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- **Tích cực** → nên trong danh sách mua
- **Suy yếu** → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- **Tiêu cực** → nên trong danh sách tránh
- **Hồi phục** → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

